

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 08/6/2023

V/v: “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thành;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) A; địa chỉ: số 130 Phan Đăng L, Phường 3, Quận N, Thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Hồng P, chức vụ: Phó Phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh N; địa chỉ: số 497 Phan Châu T, thành phố K, tỉnh N. (Theo Quyết định số 42/QĐ-NTG ngày 08/11/2022 của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh T).

- Bị đơn: ông Lê Thanh H, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Ng, xã X, huyện S, tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Ng, xã X, huyện S, tỉnh N.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/5/2013 ông Lê Thanh H có ký Hợp đồng tín dụng số 0801144107 với Ngân hàng TMCP A - chi nhánh T với số tiền vay: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, lãi suất: 18%/năm, thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: tiêu dùng – phục vụ đời sống, biện pháp đảm bảo: vay tín chấp thông qua chính sách dành cho khách hàng chi lương qua tài khoản thẻ Ngân hàng A. Trong quá trình vay, từ ngày 09/5/2013 đến ngày 09/5/2016, ông Lê Thanh H chỉ trả được tổng số tiền: 230.815 (hai trăm ba mươi nghìn tám trăm mười lăm) đồng, trong đó: số tiền gốc: 32.000 đồng, lãi trong hạn: 132.543 đồng, lãi quá hạn + phí phạt: 66.272 đồng. Mặc dù Ngân hàng A – chi nhánh T đã gọi điện làm việc nhiều lần nhưng ông H vẫn không thực hiện đúng cam kết. Do ông Lê Thanh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/6/2023, ông Lê Thanh H còn nợ các khoản sau: số tiền gốc: 19.968.000 đồng, lãi trong hạn: 29.147.809 đồng, lãi quá hạn: 14.573.905 đồng, phí phạt chậm thanh toán: 810.978.094 đồng, tổng cộng: 874.667.808 (tám trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ tám) đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: phí phạt chậm thanh toán số tiền 810.978.094 đồng, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc sở hữu của ông H để thu hồi nợ cho Ngân hàng A và ông Lê Thanh H phải chịu mọi chi phí phát sinh.

Ngân hàng A chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh H trả ngay tổng số tiền 63.689.714 (sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười bốn) đồng, trong đó: số tiền gốc: 19.968.000 đồng, lãi trong hạn: 29.147.809 đồng, lãi quá hạn: 14.573.905 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2023 đến ngày ông Lê Thanh H thực trả hết nợ cho Ngân hàng A theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn – ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Hồng L nhưng ông bà đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H phải trả cho ngân hàng số tiền gốc: 19.968.000 đồng, lãi trong hạn: 29.147.809 đồng, lãi quá hạn: 14.573.905 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản vay cho Ngân hàng A; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về khoản phí phạt chậm thanh toán số tiền 810.978.094 đồng, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc sở hữu của ông Hữu để thu hồi nợ cho Ngân hàng A và ông Lê Thanh H phải chịu mọi chi phí phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: ông Lê Thanh H cư trú tại thôn Ng, xã X, huyện S, tỉnh N. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, vì vậy quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 0801144107 ngày 09/5/2013 được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0801144107 ngày 09/5/2013 ông H vay của Ngân hàng A số tiền 20.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân - phục vụ đời sống, lãi suất: 18%/năm, thời hạn vay: 36 tháng, biện pháp đảm bảo: vay tín chấp thông qua chính sách dành cho khách hàng chi lương qua tài khoản thẻ Ngân hàng A. Tuy nhiên, từ ngày 09/5/2013 đến ngày 09/5/2016, ông H chỉ trả được

tổng số tiền: 230.815 (hai trăm ba mươi nghìn tám trăm mười lăm) đồng, trong đó: số tiền gốc: 32.000 đồng, lãi trong hạn: 132.543 đồng, lãi quá hạn + phí phạt: 66.272 đồng. Kể từ ngày 10/5/2016, ông H không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào nên ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông H trả một lần tổng số tiền 63.689.714 (sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười bốn) đồng, trong đó: số tiền gốc: 19.968.000 đồng, lãi trong hạn: 29.147.809 đồng, lãi quá hạn: 14.573.905 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2023 đến ngày ông Lê Thanh H thực trả hết nợ cho Ngân hàng A theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A có đơn xin thay đổi và rút yêu cầu khởi kiện đối với: khoản phí phạt chậm thanh toán với số tiền 810.978.094 đồng và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc sở hữu của ông H để thu hồi nợ cho Ngân hàng A, ông Lê Thanh H phải chịu mọi chi phí phát sinh. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Hợp đồng tín dụng chỉ mình ông H ký kết với Ngân hàng A, không có văn bản ủy quyền của bà L. Hơn nữa, Ngân hàng A chỉ yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, không có căn cứ yêu cầu bà L liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ông H.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 63.689.714 (sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười bốn) đồng, trong đó: số tiền gốc: 19.968.000 đồng, lãi trong hạn: 29.147.809 đồng, lãi quá hạn: 14.573.905 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2023 đến ngày ông Lê Thanh H thực trả hết nợ cho Ngân hàng A theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản phí phạt chậm thanh toán số tiền 810.978.094 đồng và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc sở hữu của ông H để thu hồi nợ cho Ngân hàng A, ông Lê Thanh H phải chịu mọi chi phí phát sinh.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Ông Lê Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 63.689.714 (*sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười bốn*) đồng, trong đó số tiền gốc: 19.968.000 đồng, lãi trong hạn: 29.147.809 đồng, lãi quá hạn: 14.573.905 đồng.

Kể từ ngày 09/6/2023, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh lý xong hợp đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản phí phạt chậm thanh toán số tiền 810.978.094 (*tám trăm mười triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm chín mươi tư*) đồng và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc sở hữu của ông H để thu hồi nợ cho Ngân hàng A, ông Lê Thanh H phải chịu mọi chi phí phát sinh.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.184.500 (*ba triệu một trăm tám mươi tư nghìn năm trăm*) đồng ông Lê Thanh H phải chịu. Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.434.000 (*mười lăm triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004880 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Sen